

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HSST

Ngày 04- 08-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Sang;

2. Ông Phan Văn Tiến.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 07 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 07 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Ranh T1, sinh ngày 23 tháng 08 năm 1996; Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn H1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Phạm Văn R1; họ tên mẹ: Phạm Thị C1; chưa có vợ con; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 131/2018/HSST ngày 28-08- 2018, Tòa án nhân dân thành phố T4 xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 04/2020/HSST ngày 16- 01- 2020, Tòa án nhân dân huyện T3 xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Danh chỉ bản số 094 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 07- 05- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05- 05- 2021; bị tạm giam từ ngày 08- 05- 2021; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn H1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Biết bà N1 ở cùng thôn có tài sản để trong nhà nên hồi 15 giờ 00 ngày 04- 05- 2021, bị cáo đi bộ đến nhà bà, mục đích trộm cắp tài sản. Thấy cổng, cửa chỉ

đóng mà không khóa, nhà bà không có người nên bị cáo mở cổng, rồi tiếp tục mở cửa đi vào nhà. Bị cáo đến bên chiếc tủ gỗ, nhấc cánh tủ về bên trái để mở tủ; lấy một tấm vải màu vàng cam gấp lại để trong tủ quần áo, bên trong tấm vải có chứa tiền. Bị cáo mở tấm vải, lấy các tập tiền có mệnh giá lớn (500.000đồng, 200.000đồng và 100.000đồng); để nguyên các tập tiền có mệnh giá nhỏ hơn trong tấm vải, gấp mảnh vải lại rồi để vào chỗ cũ. Bị cáo đóng cửa, đóng cổng rồi đi về nhà. Sau khi chỉ dùng cho nhu cầu cá nhân; thì bị cáo cất giấu số tiền còn lại tại Nhà văn hóa thôn H1, xã T2. Ngày 05- 05- 2021, bị cáo đến Công an xã T2 đầu thú, khai báo hành vi; giao nộp chiếc điện thoại SAMSUNG A12 mới mua và 3.500.000đồng đã cất giấu.

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, đơn trình báo và lời khai bị hại là bà N1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Ngày 04- 05- 2021, bị cáo đã lợi dụng bà N1 vắng nhà, cổng cửa đều không khóa nên đã lẻn vào nhà bà trộm cắp tiền của bà cất trong tấm vải trong tủ quần áo. Bị cáo xác định đã trộm cắp của bà N1 số tiền 9.000.000đồng; sau đó mua 01 chiếc điện thoại SAMSUNG A12 giá 4.000.000đồng, trả tiền sửa loa 700.000đồng và chi tiêu cá nhân. Bị cáo cất giấu số tiền còn lại 3.500.000đồng tại Nhà văn hóa thôn H1, xã T2. Ngày 05- 05- 2021, bị cáo đến Công an xã T2 đầu thú, khai báo hành vi; giao nộp chiếc điện thoại SAMSUNG A12 mới mua và số tiền 3.500.000đồng.

Bị hại là bà N1 trình bày: Hồi 12 giờ 30 ngày 04- 05- 2021, bà mở tủ cất số tiền 15.000.000đồng; đến 12 giờ 30 ngày 05- 05- 2021, bà mở tủ thì phát hiện bị mất 9.000.000đồng (tiền mệnh giá cao); ngoài ra không bị mất gì khác. Bị cáo đã bồi thường cho bà: Tiền mặt: 5.000.000đồng; 01 điện thoại SAMSUNG A12 trị giá 4.000.000đồng; cộng: 9.000.000đồng. Bà đồng ý và đã nhận đủ tiền, tài sản do bị cáo bồi thường, không yêu cầu gì thêm; xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSTT ngày 15- 07- 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 05- 05- 2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Ngày 04- 05- 2021, bị cáo đã trộm cắp số tiền 9.000.000 đồng của bà N1 ở cùng thôn. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có 2 tiền án: Ngày 28- 08- 2018, bị cáo bị xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; ngày 16- 01- 2020, bị cáo bị xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại; thành khẩn khai báo; đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản; việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại (bà N1) đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho bà 5.000.000đồng và 01 điện thoại SAMSUNG A12 trị giá 4.000.000đồng cộng: 9.000.000đồng (Đã bồi thường xong). Việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự, cần công nhận sự thỏa thuận này.

[5]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là số tiền 3.500.000đồng thu giữ từ bị cáo đã sử dụng để bồi thường cho bị hại. Chiếc điện thoại SAMSUNG A12 là tài sản do bị cáo mua bằng số tiền phạm tội, cũng đã sử dụng để bồi thường cho bị hại. Vì vậy, không đặt ra giải quyết.

[6]. Về các vấn đề khác của vụ án: Bị cáo trình bày: Sau khi trộm cắp tiền của bà N1, bị cáo đã sử dụng 700.000đồng để trả tiền công sửa loa cho ông Nguyễn Đức T5; đã sử dụng 4.000.000đồng mua 01 chiếc điện thoại SAMSUNG A12, 100.000đồng mua thẻ nạp điện thoại của chị Nguyễn Thị T6. Ông T5, chị T6 đều không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý với hai người này.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đã bồi thường xong trước khi xét xử nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ranh Trường phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Phạm Ranh T1: 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 05- 05- 2021.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận thỏa thuận: Bị cáo T1 bồi thường cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền 5.000.000đồng; 01 điện thoại SAMSUNG A12 trị giá 4.000.000đồng; cộng: 9.000.000đồng (Đã bồi thường xong).

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,000đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tòng

